

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu bán lẻ với thanh khoản tăng

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

HPG, BSR

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp tăng sớm, có thể giải ngân với tỷ trọng nhỏ khi các mã mục tiêu và chỉ số quay xuống các vùng hỗ trợ gần

04/03/2024

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,261.41	+0.25
VN30	1,268.53	+0.12
HĐTL VN30F1M	1,268.40	+0.13
HNXIndex	237.38	+0.40
HNX30	512.07	+0.41
UPCoM	91.13	-0.03
USD/VND	24,683	+0.19
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.34	+0
Lãi suất qua đêm (%)	1.60	+30
Dầu (WTI, \$)	80.31	+0.43
Vàng (LME, \$)	2,084.00	+0.05



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,261.41 (+0.25%)
KLGD (triệu CP) 1,060.7 (+30.3%)
GTGD (triệu US\$) 1,159.0 (+20.4%)

TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu bán lẻ với thanh khoản tăng. Khối ngoại mua ròng 101.92 tỷ đồng, tập trung tại KBC (+6.89%), DIG (+2.00%), VND (+1.08%).

HNXIndex 237.38 (+0.40%)
KLGD (triệu CP) 104.8 (-1.4%)
GTGD (triệu US\$) 84.4 (+0.4%)

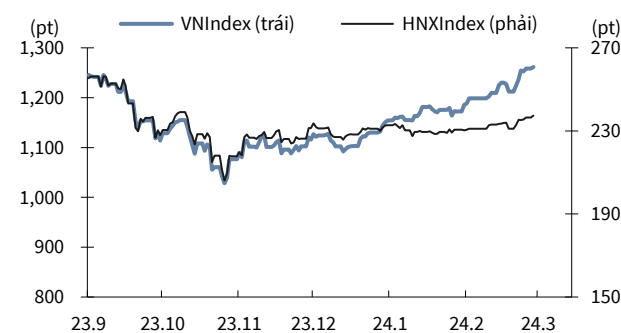
Theo GSO, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 2 tháng năm 2024 ước đạt 2.8 tỷ USD, tăng 9.8% so với cùng kỳ năm trước. Cổ phiếu nhóm BĐS KCN tăng giá ở KBC (+6.89%), TIP (+6.96%).

UPCoM 91.13 (-0.03%)
KLGD (triệu CP) 44.0 (-26.8%)
GTGD (triệu US\$) 21.7 (+1.5%)

Theo báo cáo của Viện nghiên cứu và đánh giá thị trường bất động sản Việt Nam, tổng nguồn cung nhà ở trên thị trường năm 2023 đạt 55.3 nghìn sản phẩm, tăng 14% so với năm 2022. Cổ phiếu nhóm BĐS tăng giá ở NVL (+1.16%), DIG (+2.0%).

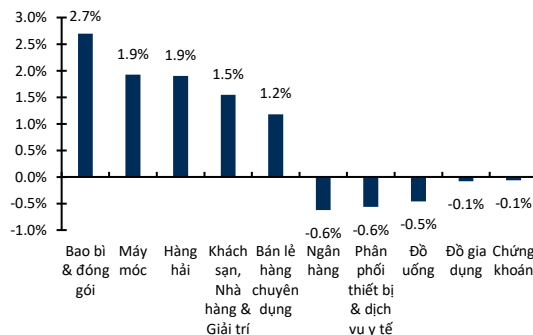
NDTNN mua ròng (triệu US\$) +2.4

VNIndex & HNXIndex



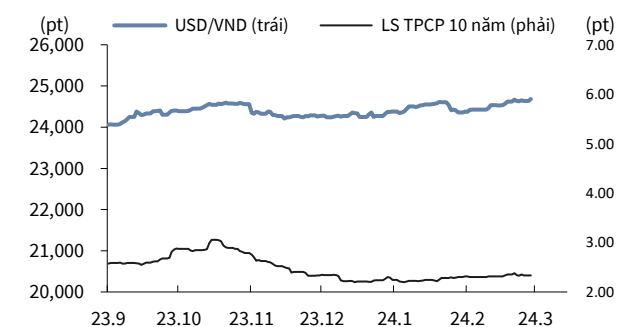
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



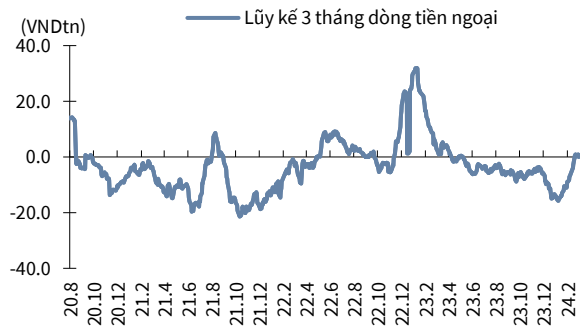
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

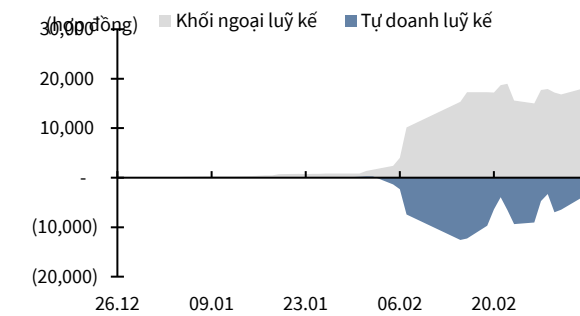
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,268.53 (+0.12%)
VN30F1M	1,268.4 (+0.13%)
Mở cửa	1,270.2
Cao nhất	1,272.0
Thấp nhất	1,263.3
KLGD (HĐ)	156,312 (-14.7%)

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2403 và VN30 mở cửa tại 2.7 điểm, sau đó biến động quanh mức -0.65 điểm toàn phiên, đóng cửa tại -0.13 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

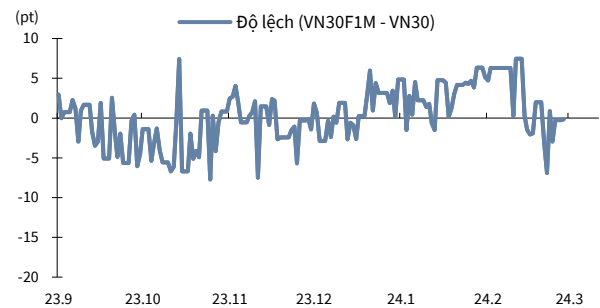
Khối ngoại mua ròng 1,118 HĐTL VN30F2403 và đang duy trì vị thế mua lũy kế 17,942 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK mua ròng 2,356 hợp đồng nhưng đang duy trì vị thế bán lũy kế 4,096 hợp đồng.

Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



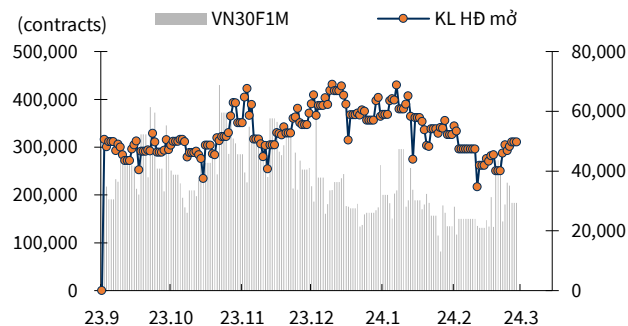
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



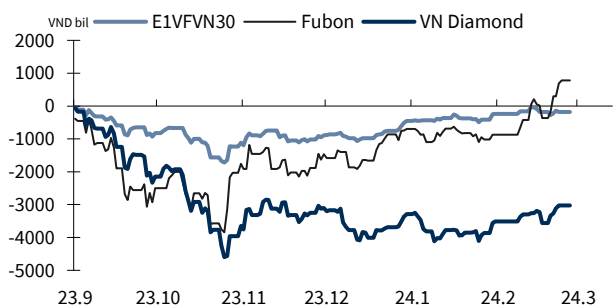
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

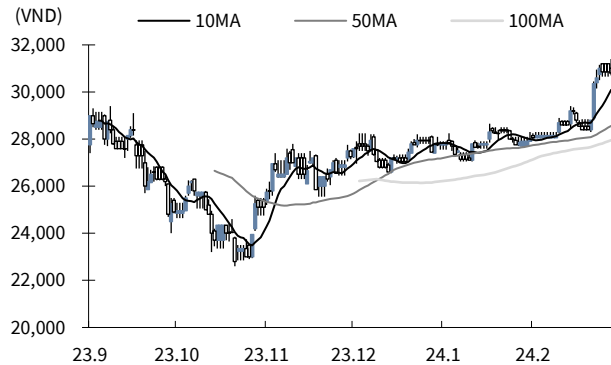
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

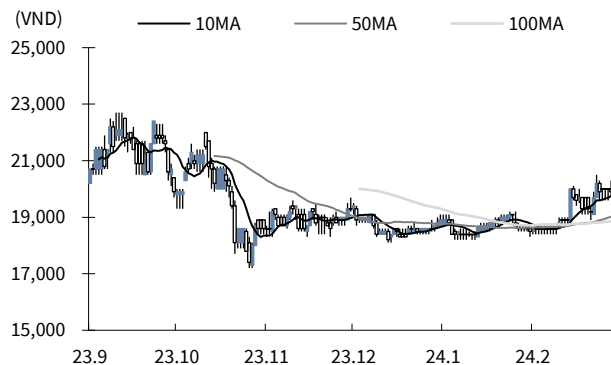
CTCP Tập đoàn Hòa Phát (HPG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG giảm 0.16% xuống 30,800 VND/cp
- Tập đoàn Hòa Phát ký biên bản ghi nhớ về việc nghiên cứu đầu tư 3 dự án tại Khu Kinh tế Nam Phú Yên với tổng vốn đầu tư dự kiến hơn 120,000 tỷ đồng (gần 5 tỷ USD). Các dự án này bao gồm Cảng Bãi Gốc (khoảng 24,000 tỷ); Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Tâm (13,300 tỷ); Dự án Khu liên hợp Gang thép Hòa Phát tại Khu công nghiệp Hòa Tâm (86,000 tỷ).

CTCP Lọc hóa Dầu Bình Sơn (BSR)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- BSR tăng 0.51% lên 19,900 VND/cp
- CTCP Lọc hóa dầu Bình Sơn cho biết hai tháng đầu năm doanh nghiệp đạt sản lượng sản xuất khoảng 1.25 triệu tấn sản phẩm. Doanh thu hai tháng ước đạt 23,426 tỷ đồng, nộp ngân sách khoảng 2,563 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch. Năm nay, BSR đặt mục tiêu tổng doanh thu hợp nhất là 95,274 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 1,148 tỷ và nộp ngân sách nhà nước hơn 10,597 tỷ đồng. Như vậy sau hai tháng đầu năm, công ty đã thực hiện được 1/4 mục tiêu doanh thu và 24% chỉ tiêu nộp ngân sách năm.

CTCP Xây dựng Coteccons (CTD)

Đa dạng hoá

04/03/2024

Chuyên viên phân tích Nguyễn Dương Nguyên
nguyenn1@kbsec.com.vn

Hoạt động kinh doanh cốt lõi tiếp tục cải thiện

Lợi nhuận hoạt động kinh doanh Q2 FY2024 đạt 47 tỷ VND (+172% QoQ) nhờ (1) tỉ trọng backlog mảng công nghiệp gia tăng, đồng thời, các dự án cũ với biên lãi gộp thấp dần được bàn giao và ghi nhận hết. Thêm vào đó, (2) chi phí quản lý doanh nghiệp (SG&A) giảm 33% YoY nhờ chi phí dự phòng giảm 31% YoY.

Tỷ lệ trích lập dự phòng tăng lên 71% trong Q2 FY2024

CTD đã hoàn thành trích lập 100% nợ xấu liên quan tới công ty TNHH Saigon Glory. Chúng tôi kỳ vọng chi phí dự phòng trong FY2024 được kiểm soát ở mức 104 tỷ VND.

CTD hoàn thành mua lại 2 công ty trong lĩnh vực nhôm kính và M&E

Trong Q3 FY2024, CTD đã mua lại 100% vốn góp 2 công ty trong lĩnh vực nhôm kính và M&E, ước tính biên lãi gộp của 2 mảng này đạt lần lượt 15% và 3%. Chúng tôi kỳ vọng 2 công ty mới sẽ giúp tăng khả năng cạnh tranh khi đấu thầu của CTD, đồng thời cải thiện năng lực thi công và dần tạo động lực tăng trưởng trong mảng công nghiệp (M&E chiếm 60-70% giá trị công việc trong 1 dự án công nghiệp).

Kỳ vọng đóng góp của mảng công nghiệp tăng lên 40% trong giai đoạn FY2024-FY2025

Tỉ trọng backlog mảng công nghiệp của CTD tăng lên 32% trong Q2 FY2024. Chúng tôi kỳ vọng backlog mảng này sẽ được cải thiện lên 40% trong thời gian tới nhờ (1) năng lực thi công đã được chứng minh và được cải thiện với mảng M&E mới đầu tư và (2) nền tảng tài chính vững chắc và khả năng đáp ứng các yêu cầu về ESG là lợi thế khi đấu thầu các dự án có vốn FDI.

Khuyến nghị **NẮM GIỮ** với giá mục tiêu 76,600 VND/cổ phiếu

Chúng tôi khuyến nghị **NẮM GIỮ** với CTD với giá mục tiêu 76,600 VND/cổ phiếu, tương ứng với mức lợi nhuận kỳ vọng 7% so với giá đóng cửa ngày 04/03/2024.

NẮM GIỮ thay đổi

Giá mục tiêu	VND 76,700
Tăng/giảm	7%
Giá hiện tại (04/03/2024)	VND 72,000
Giá mục tiêu đồng thuận	VND 75,900
Vốn hóa (nghìn tỉ VND/tỉ USD)	0.69/0.28

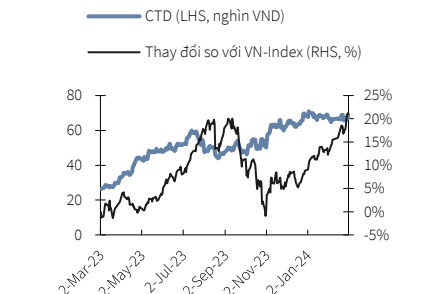
Dữ liệu giao dịch	
Tỉ lệ cổ phiếu tự do chuyển nhượng (%)	55%
GTGD TB 3 tháng (tỉ VND/triệu USD)	923.6/4.7
Kustoshem Private Limited	17.55%
Công ty TNHH MTV KD & ĐT Thành Công	14.12%
The 8th Pte., Ltd.	10.42%

Biến động giá cổ phiếu (%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	4	32	31	156
Tương đối	2	41	31	150

Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	FY 2022A	FY 2023A	FY 2024F	FY 2025F
Doanh số thuần (tỷ VND)	14,537	6,744	18,359	17,928
Lãi/lỗ từ HĐKD (tỷ VND)	-54	14	334	500
Lợi nhuận của CP công ty mẹ (tỷ VND)	21	52	321	448
EPS (VND)	263	663	3,102	4,320
Tăng trưởng EPS (%)	-13%	152%	368%	39%
P/E (x)	125.2	97.8	22.2	16.0
P/B (x)	0.3	0.6	0.8	0.8
ROE (%)	0%	1%	4%	5%
Tỉ suất cổ tức (%)	0%	0%	0%	0%

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex trải qua một phiên tăng điểm nhẹ với diễn biến giằng co là chủ đạo.
- Việc chỉ số hình thành mẫu nền spinning với thanh khoản gia tăng cho thấy sự giằng co quyết liệt trong trạng thái giao dịch của 2 phe. Tuy nhiên, dòng tiền liên tục luân chuyển trong nhóm cổ phiếu midcap với biên độ tăng rộng đã giúp đối ứng lại với áp lực bán gia tăng trên nhóm cổ phiếu trụ và nâng đỡ chính cho chỉ số. Mặc dù các tín hiệu kỹ thuật thể hiện rủi ro có thể xuất hiện một nhịp điều chỉnh bất kỳ lúc nào, xu hướng tăng của VNIndex được kỳ vọng sẽ sớm lấy lại dưới sự chủ động của lực cầu.
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp tăng sớm, có thể giải ngân với tỷ trọng nhỏ khi các mã mục tiêu và chỉ số quay xuống các vùng hỗ trợ gần.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1285 – 1287

Kháng cự gần: 1271 – 1274

Hỗ trợ gần: 1255 – 1260

Hỗ trợ xa: 1243 – 1247

- F1 trải qua một phiên tăng điểm nhẹ với diễn biến giằng co là chủ đạo.
- F1 một lần nữa cho thấy trạng thái giao dịch giằng co, lưỡng lự của 2 phe với việc hình thành mẫu nến spinning thanh khoản giảm. Tuy nhiên, rủi ro điều chỉnh sẽ ngày một lớn nếu lực cầu tiếp tục cho thấy sự suy yếu trong khi F1 vẫn đang vận động quanh vùng đỉnh. Mặc dù nhiều khả năng F1 sẽ tiếp tục đối mặt với áp lực rung lắc quanh ngưỡng 1265 (+5), lực cầu được kỳ vọng sẽ cho phản ứng gia tăng trở lại quanh các vùng hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, Short tại kháng cự, Long tại hỗ trợ,
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở Short quanh các ngưỡng kháng cự

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

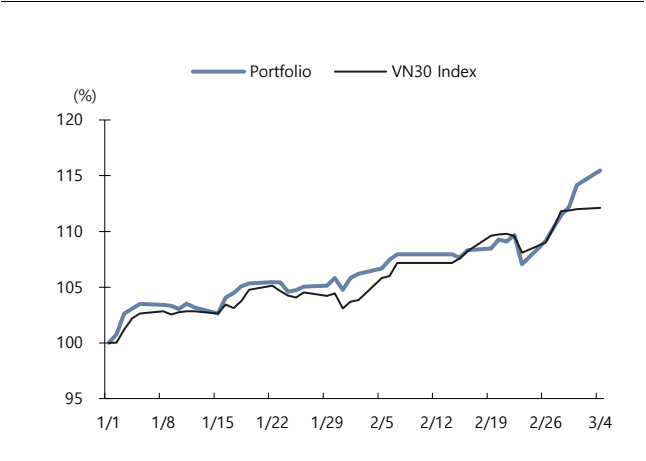
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Khoảng thời gian nắm giữ tiêu chuẩn là 3 tháng. Tuy nhiên danh mục được tái cơ cấu định kỳ vào tuần đầu mỗi tháng.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.12%	1.15%
Tăng lũy kế (YTD)	12.11%	15.47%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 04/03/2024	Daily return (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
SSI (SSI)	01/11/2023	37,150	-0.5%	44.3%	- Hưởng lợi từ xu hướng giảm của mặt bằng lãi suất, giúp thanh khoản thị trường cải thiện - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX, giúp thị trường giao dịch sôi động
VN Rubber Group (GVR)	02/01/2024	29,800	2.2%	32.7%	- Giá và sản lượng cao su GVR trong 2024 dự kiến giữ đà tăng trưởng - Nam Tân Uyên 3 là động lực tăng trưởng KCN của GVR trong ngắn và trung hạn - GVR liên tục phát triển thêm các dự án mới, mở rộng quỹ đất KCN
FPT (FPT)	01/02/2024	111,400	0.5%	15.0%	- Các mảng kinh doanh như CNTT nước ngoài, giáo dục còn nhiều tiềm năng tăng trưởng - Kỳ vọng động lực tăng trưởng dài hạn khi xâm nhập vào mảng chip bán dẫn
PV Trans (PVT)	02/01/2024	27,050	-0.2%	4.4%	- Bất ổn tại những nút giao thương hàng hóa trọng yếu có thể gây áp lực giá cước vận tải - Ghi nhận doanh thu cả năm cho các tàu mua từ 2023 - Kỳ vọng mở rộng thêm đội tàu trong 2024
PV Drilling (PVD)	02/01/2024	31,500	-0.9%	13.9%	- Nguồn cung giàn khoan vẫn sẽ thắt chặt trong dài hạn - Kỳ vọng nhu cầu thuê giàn tăng mạnh trong 2 năm tới - Thị trường E&P nội địa dự kiến sôi động hơn từ 2024
TNG (TNG)	02/01/2024	22,400	4.7%	10.9%	- Hàng tồn kho của các hãng thời trang là đối tác của TNG có dấu hiệu giảm rõ nét - BLNG được kỳ vọng cải thiện trong 1Q2024 - Suy giảm xuất khẩu thu hẹp
PC1 Group (PC1)	02/01/2024	28,300	-0.4%	-5.7%	- Xây lắp điện được dự báo hồi phục với động lực chính từ các dự án thuộc EVN - Sản lượng mảng NLTT kỳ vọng ổn định hơn từ 3Q2024 trở đi giúp cải thiện lợi nhuận
Viettelpost (VTP)	02/01/2024	78,400	0.0%		- VTP kỳ vọng cải thiện biên lợi nhuận gộp mảng dịch vụ dù áp lực giảm giá cước vẫn cao - Thị trường chuyển phát nhanh Việt Nam dự báo tăng trưởng CAGR 24%/năm - Sản lượng chuyển phát kỳ vọng tiếp tục đà tăng trưởng, nâng thị phần lên 21%
Coteccons (CTD)	01/02/2024	72,000	4.3%	4.7%	- Mảng công nghiệp làm động lực tăng trưởng trong tương lai - Kỳ vọng giá trị hợp đồng ký mới trong FY2024 tăng 30%
Mobile World (MWG)	01/02/2024	47,400	1.7%	10.0%	- Tiếp tục cuộc chiến giá ở mảng ICT&CE, đánh đổi lợi nhuận để chiếm thêm thị phần - Bách Hoá Xanh có nhiều tín hiệu tích cực, kỳ vọng là động lực tăng trưởng

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
KBC	6.9%	20.7%	280.8
DIG	2.0%	5.0%	103.4
VND	1.1%	21.8%	77.3
MWG	1.7%	44.8%	76.0
NLG	6.9%	44.6%	74.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
FUEVFVND	0.2%	96.5%	-124.0
HPG	-0.2%	24.9%	-109.1
PVD	-0.9%	23.3%	-88.5
DGC	-1.7%	19.2%	-58.2
VHM	0.0%	22.4%	-52.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SHS	0.6%	9.5%	21.3
TNG	4.7%	21.2%	13.7
DHT	-2.5%	35.8%	9.8
HUT	1.1%	1.7%	6.4
DTD	0.3%	2.9%	4.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	1.1%	18.6%	-37.2
MBS	-0.4%	0.8%	-12.6
CEO	0.0%	5.7%	-6.1
HVT	-1.3%	2.5%	-4.1
VCS	-1.4%	2.4%	-3.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	8.8%	TNH, JVC, VMD
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	7.0%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Tập đoàn công nghiệp	7.0%	REE, BCG, PET, EVG
Kim loại & khai thác	6.6%	HPG, HSG, NKG, KSB
Bán lẻ hàng chuyên dụng	6.1%	MWG, FRT, CTF, HAX

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Nước	-1.0%	BWE, TDM, SII, CLW
Phụ tùng oto	-0.8%	DRC, CSM, PAC, TNC
Hàng không dân dụng	-0.4%	VJC, HVN
Tiện ích điện	0.4%	PGV, NT2, PPC, TTA
Dược	0.9%	DHG, IMP, TRA, DBD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	19.6%	GVR, DGC, DPM, DCM
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	12.5%	TNH, JVC, VMD
Tập đoàn công nghiệp	11.6%	REE, BCG, PET, EVG
Công nghệ	11.2%	FPT, CMG, ELC
Kim loại & khai thác	9.8%	HPG, HSG, NKG, KSB

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng không dân dụng	-1.1%	VJC, HVN
Máy móc	0.0%	TCH, HHS, SRF, SHA
Thương mại & phân phối	0.2%	VPG, TSC, BTT, TNA
Vật liệu xây dựng	0.4%	HT1, PTB, GAB, ACC
Tiện ích điện	0.5%	PGV, NT2, PPC, TTA

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐtỷ, USDmn)	GTGD (VNĐtỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	236,849 (9.6)	22.5	-	31.5	14.7	-1.9	3.7	1.5	1.5	0.0	1.5	7.5	1.5
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	354,630 (14.4)	26.6	6.2	6.0	35.9	15.6	14.5	0.9	0.8	0.0	1.4	6.7	1.7
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	377,768 (15.4)	17.8	14.8	12.9	-7.6	11.2	11.2	1.5	1.4	1.3	3.8	21.1	15.9
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	473,175 (19.3)	31.3	-	34.6	6.7	-0.7	2.9	1.0	0.9	1.2	4.2	2.9	2.6
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	119,408 (4.9)	11.6	31.9	28.7	13.7	7.0	7.5	2.1	2.1	2.9	13.2	17.9	14.5
	DXG	DAT XANH GROUP	20,008	12,594 (547)	182,331 (7.4)	13.9	86.7	40.4	-	1.4	2.8	1.2	1.2	1.1	4.5	0.5	-3.6
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	148,967 (6.1)	6.3	15.3	13.8	11.7	19.3	18.1	2.7	2.2	-1.3	7.3	6.3	19.6
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	109,564 (4.5)	12.7	15.3	9.9	-5.3	19.5	20.4	2.2	1.9	0.0	-0.2	14.1	23.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	361,632 (14.7)	0.0	6.6	5.4	14.3	16.1	16.8	1.0	0.8	0.0	1.6	22.5	31.6
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	409,877 (16.7)	1.4	9.0	7.1	50.3	17.2	20.0	-	-	1.1	1.0	13.6	32.8
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	298,572 (12.2)	0.0	10.6	7.5	18.8	11.2	13.5	1.1	1.0	-0.3	1.8	4.3	2.1
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	566,802 (23.1)	0.0	5.4	4.4	14.6	22.8	23.1	1.1	0.9	0.8	0.8	11.3	29.8
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	151,180 (6.2)	4.2	5.9	4.8	23.3	23.5	23.0	-	-	0.0	2.6	4.3	14.8
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	674,202 (27.4)	14.0	7.4	4.3	26.5	19.5	25.1	1.1	0.8	-0.6	4.1	6.2	13.6
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	361,571 (14.7)	0.0	7.0	5.5	37.4	17.3	19.0	1.1	1.0	-1.3	2.3	12.0	12.6
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	260,440 (10.6)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	0.3	0.8	-0.8	-0.3
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	20,992 (0.9)	21.0	18.8	-	15.8	7.8	-	-	-	0.9	2.7	5.4	9.4
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	7,305 (0.3)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	0.9	3.3	6.9	9.4
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	845,187 (34.4)	55.4	24.8	-	-3.2	9.8	-	-	-	-0.5	5.8	6.8	13.3
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	296,462 (12.1)	71.9	28.9	21.4	-4.0	13.4	14.2	3.1	3.0	0.0	3.7	7.1	9.6
	HCM	HO CHI MINH CITY	15,467	8,907 (387)	274,865 (11.2)	52.4	-	-	-19.0	10.2	-	-	-	0.7	0.7	6.3	20.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	672,533 (27.4)	27.2	20.2	15.2	36.3	10.7	11.8	1.8	1.7	1.1	3.5	7.6	5.4
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	339,685 (13.8)	42.1	16.9	15.1	4.0	29.4	30.8	4.6	4.4	0.7	1.4	6.8	6.5
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	68,072 (2.8)	36.9	17.9	17.4	7.3	17.5	16.9	2.9	2.8	-0.5	3.0	2.3	-7.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	254,423 (10.4)	16.5	45.0	21.6	-51.9	9.3	17.2	3.6	3.2	0.4	6.1	8.3	5.7
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	23,124 (0.9)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	1.7	-1.6	-4.3	-11.1
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	67,659 (2.8)	11.0	29.3	-	-88.5	11.5	-	-	-	0.3	-0.9	-1.1	-4.1
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	113,483 (4.6)	10.8	20.5	17.9	-57.0	12.7	13.8	2.6	2.4	-0.1	8.5	16.9	14.0
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	217,451 (8.9)	38.4	24.1	-	65.7	3.8	-	-	-	0.3	3.5	2.4	10.1
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	399,992 (16.3)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-0.2	6.4	8.2	-1.9
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	157,652 (6.4)	3.6	-	-	-52.4	-	-	-	-	4.3	9.8	7.6	4.7
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	54,518 (2.2)	0.0	10.2	8.8	-4.5	13.0	13.9	1.3	1.2	-0.2	7.1	13.1	9.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USDmn)	GTGD (VNĐ triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	87,920 (3.6)	46.1	-	12.0	-17.5	-	-	2.3	2.1	0.3	2.1	3.5	3.0
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	26,371 (1.1)	31.4	-	15.7	-10.5	-6.0	12.7	-	-	0.4	1.8	2.6	6.5
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,121 (0.1)	34.1	-	-	-5.1	-	-	-	-	0.7	0.4	1.1	-6.1
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	872,083 (35.5)	18.0	13.8	9.4	21.9	11.7	15.7	1.6	1.4	-0.2	6.9	10.4	10.2
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	92,670 (3.8)	36.5	15.0	18.2	-0.5	8.0	7.5	1.2	1.1	0.3	2.8	6.7	5.7
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	179,391 (7.3)	46.5	11.5	-	-4.5	15.4	18.5	-	-	0.1	1.8	4.7	5.7
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	247,032 (10.1)	38.9	17.6	13.4	67.9	7.5	10.5	1.3	1.3	1.7	4.5	2.4	2.9
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	51,588 (2.1)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-0.9	-0.9	5.2	18.0
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	34,425 (1.4)	4.6	14.2	13.2	-51.0	11.8	11.7	-	-	0.1	2.1	3.9	4.2
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	205,822 (8.4)	39.9	19.8	14.7	-11.9	6.0	7.6	1.1	1.1	-0.9	12.1	13.3	11.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	93,362 (3.8)	35.9	7.7	6.4	2.2	16.2	16.5	1.2	1.0	-0.2	2.7	3.8	2.5
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	477,658 (19.4)	0.0	26.1	17.2	14.4	8.0	12.4	2.8	2.5	1.7	6.9	0.0	10.7
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	108,326 (4.4)	0.0	14.9	12.6	2.4	21.7	21.8	2.9	2.5	-0.1	8.0	4.0	11.2
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	23,403	1,261 (055)	16,583 (0.7)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-0.5	3.4	2.9	-11.2
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	76,182 (3.1)	30.3	59.5	35.2	-75.2	19.0	-	10.0	-	0.6	5.4	19.2	32.5
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	31,467 (1.3)	34.6	19.1	-	41.2	11.7	-	-	-	0.2	1.4	5.4	13.7
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,633 (0.1)	45.4	15.3	-	10.7	19.5	-	-	-	0.4	0.6	3.0	5.1
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	296,021 (12.0)	0.0	18.8	15.5	15.5	28.8	28.5	4.9	4.2	0.5	3.1	9.2	15.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyennd1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuannd@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khoí phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

